

# CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

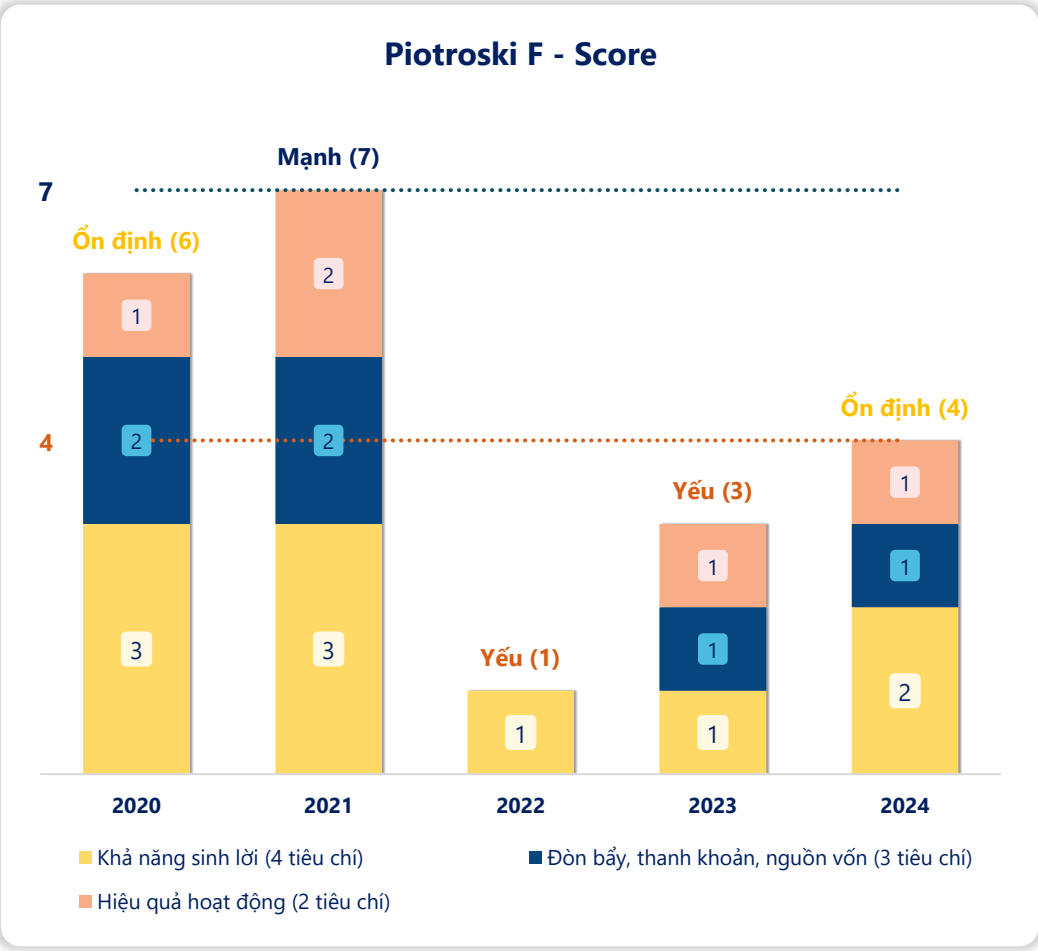
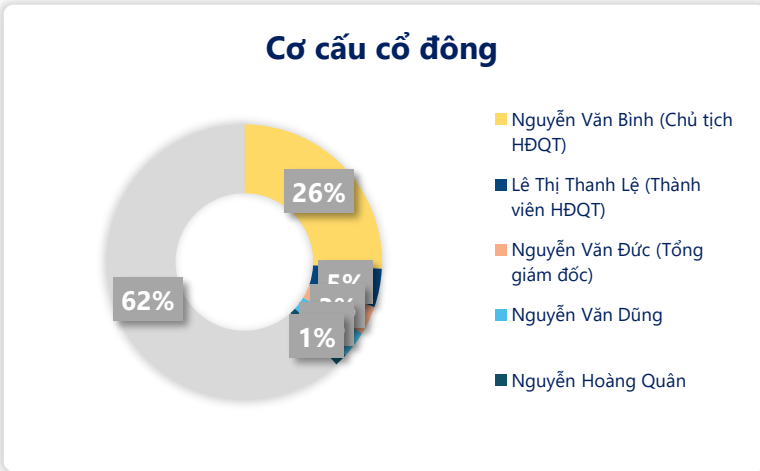
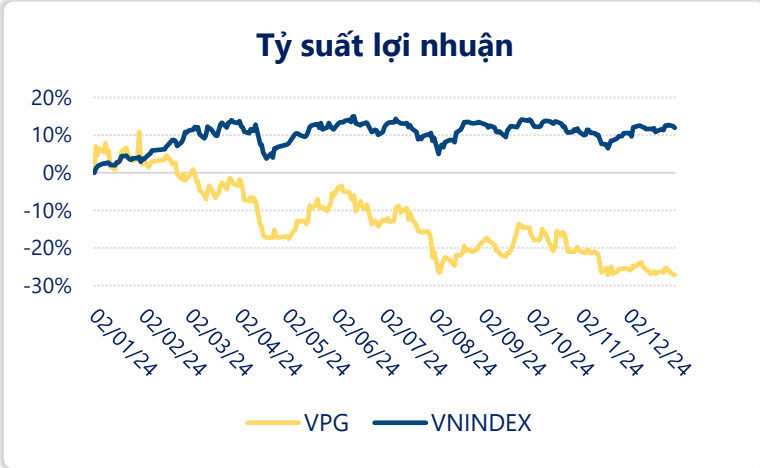
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	11,900 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.1%	-11.2%	-16.5%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	4/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024	YoY
16,257	▲ 9,919	▲ 157%
tỷ VNĐ		

LN sau thuế	2024	YoY
112	▲ 92.6	▲ 479%
tỷ VNĐ		

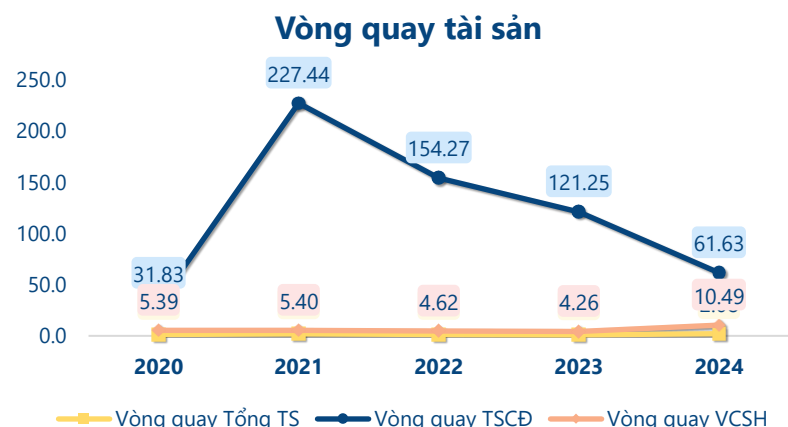
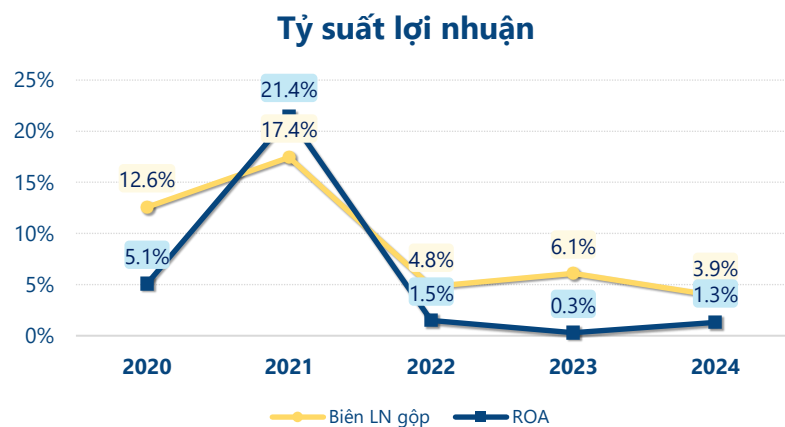
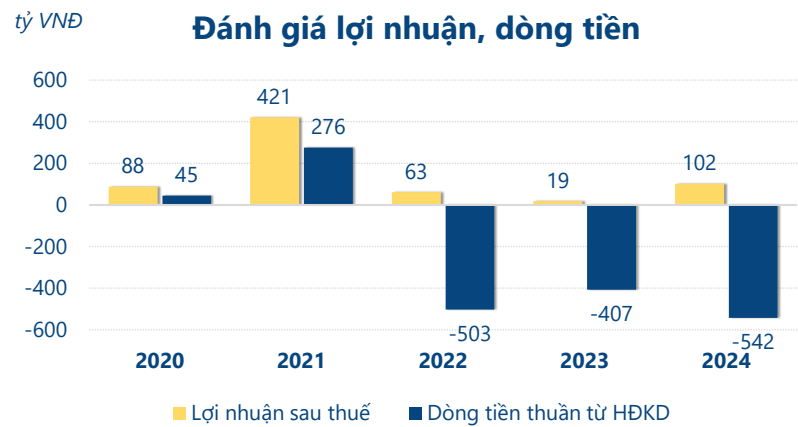


Năm **2024**, F-Score của **VPG** đạt **4/9** cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng "**Ổn định**".

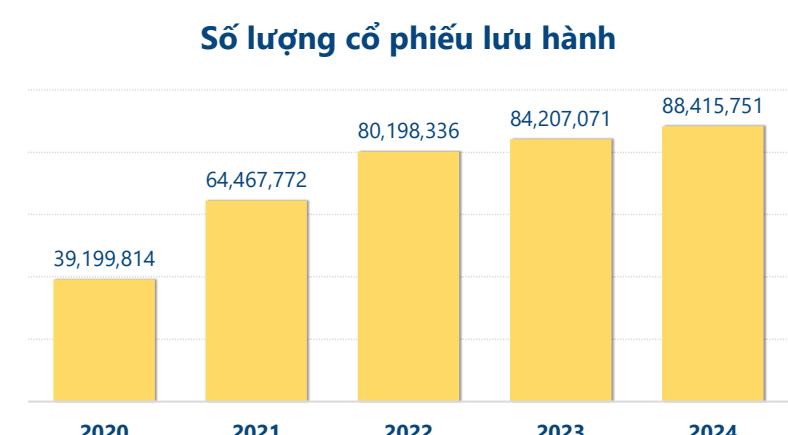
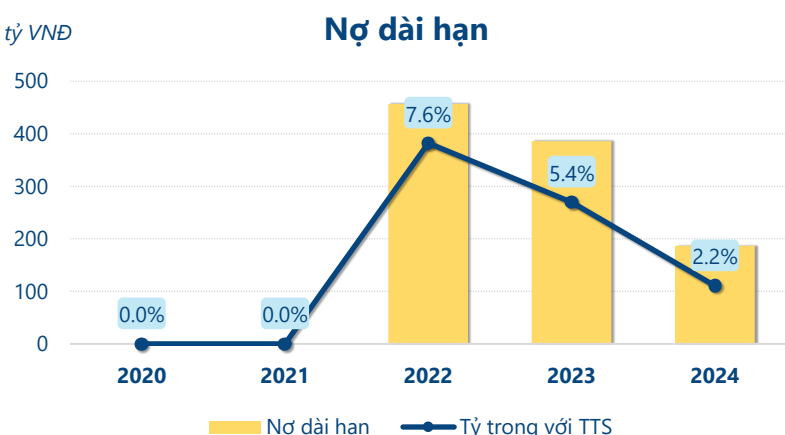
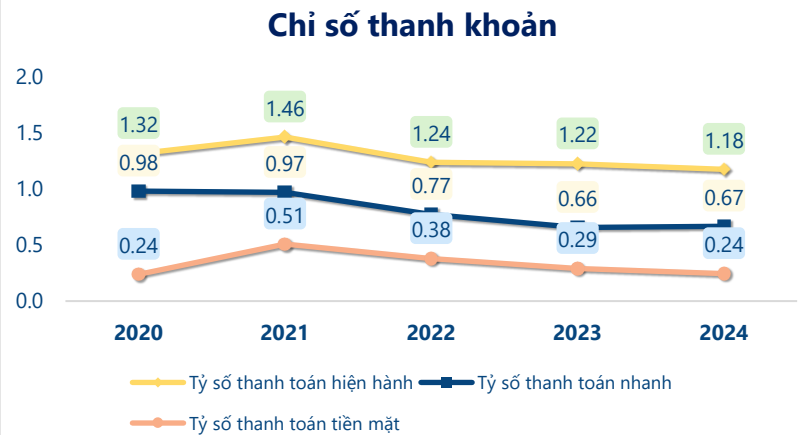
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện **tăng lên 2/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **không thay đổi** vẫn ở mức **1/3** điểm. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt điểm **1/2** ở mức ổn định so với năm trước.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

# CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **VPG**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8,446</b>	<b>7,155</b>	<b>18.0%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>7,826</b>	<b>6,461</b>	<b>21.1%</b>
Tiền và tương đương tiền	1,628	1,532	6.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.26	0	
Phải thu ngắn hạn	2,797	1,874	49.2%
Hàng tồn kho	3,372	2,994	12.6%
Tài sản ngắn hạn khác	28.9	60.4	-52.2%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>621</b>	<b>694</b>	<b>-10.6%</b>
Phải thu dài hạn	0.62	0.61	1.9%
Tài sản cố định	476	51.6	823%
Bất động sản đầu tư	22.4	0	
Tài sản dở dang	76.7	482	-84.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	37.5	158	-76.2%
Tài sản dài hạn khác	<b>7.31</b>	<b>1.84</b>	<b>296%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>6,841</b>	<b>5,662</b>	<b>20.8%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>6,655</b>	<b>5,276</b>	<b>26.1%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,432	1,720	158%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,948	347	462%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>187</b>	<b>386</b>	<b>-51.7%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	176	386	-54.3%
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,605</b>	<b>1,493</b>	<b>7.5%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,605</b>	<b>1,493</b>	<b>7.5%</b>
Vốn điều lệ	884	842	5.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2,331</b>	<b>3,864</b>	<b>5,525</b>	<b>6,338</b>	<b>16,257</b>
Giá vốn hàng bán	2,038	3,190	5,259	5,951	15,621
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>293</b>	<b>674</b>	<b>265</b>	<b>386</b>	<b>637</b>
Doanh thu HĐTC	22.8	25.0	79.1	72.7	166
Chi phí TC	59.9	50.8	149	251	313
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>23.6</b>	<b>34.9</b>	<b>54.1</b>	<b>114</b>	<b>131</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	89.1	114	85.7	106	238
Chi phí QLDN	23.0	27.3	76.9	71.6	105
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>144</b>	<b>507</b>	<b>33.1</b>	<b>30.2</b>	<b>146</b>
Lợi nhuận khác	-31.6	20.4	47.6	-3.01	-3.43
<b>LN trước thuế</b>	<b>112</b>	<b>528</b>	<b>80.7</b>	<b>27.2</b>	<b>143</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>88.3</b>	<b>421</b>	<b>62.5</b>	<b>19.4</b>	<b>112</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>88.3</b>	<b>421</b>	<b>62.5</b>	<b>19.5</b>	<b>102</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	45.0	276	-503	-407	-542
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	131	-19.7	-424	13.7	-28.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-109	246	1,701	397	-82.5
Tiền đầu kỳ	179	246	748	1,529	1,532
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>67.1</b>	<b>502</b>	<b>775</b>	<b>3.14</b>	<b>-653</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	5.88	-0.32	4.68
Tiền cuối kỳ	246	748	1,529	1,532	1,628